

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
QUÝ I NĂM 2010
(Theo phương pháp gián tiếp)

Diễn giải	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(49.535.137.491)	412.038.498
2. Điều chỉnh cho các khoản				
-Khấu hao tài sản cố định	02		1.912.322.142	2.022.797.143
-Các khoản dự phòng	03			36.098.067
-(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			362.297.062
-(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		31.134.513.407	(7.931.041.525)
-Chi phí Lãi vay	06		3.244.362.395	2.967.787.722
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(13.243.939.547)	(2.130.023.033)
(Tăng) / giảm các khoản phải thu	09		(1.427.519.363)	(5.262.127.411)
(Tăng) / giảm hàng tồn kho	10		3.236.830.202	10.880.045
Tăng / (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		943.472.902	(3.605.884.281)
(Tăng) / giảm chi phí trả trước	12		9.297.711.946	1.378.217.603
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.207.010.638)	(1.681.520.015)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16			(2.322.132.034)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.400.454.498)	(13.612.589.126)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(914.805.709)	(1.866.342.400)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		30.050.463.300	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.277.500.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		303.801.992	41.894.529
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		26.161.959.583	(1.824.447.871)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2.121.627.052	7.971.279.680

Diễn giải	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(25.422.598.146)	(13.214.656.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(837.092.330)	(566.643.126)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(24.138.063.424)	(5.810.019.446)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(376.558.339)	(21.247.056.443)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.787.775.867	22.354.825.181
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	VII.34	3.411.217.528	1.107.768.738

Hà nội, ngày 20 tháng 04 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Lan Anh

Hoàng Duy Anh

Nguyễn Quang Phúc